TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/DS-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Dình

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2024/TLST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Phan Thành K, sinh năm 1992, vắng mặt.
2. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1990, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số D, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1963, vắng mặt.
2. Ông Phan Văn D1, sinh năm 1960, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số D, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Bà làm chủ hụi nên bà có cho bà Bùi Thị D và ông Phan Thành K tham gia chơi hụi, dây hụi 10.000.000 đồng/ 01 tháng, hụi khui ngày 25/01/2022 (âm lịch) và mãn hụi ngày 25/4/2023 (âm lịch), hụi có 16 phần, bà D và ông K tham gia 01 phần.

Quá trình tham gia hụi, bà D và ông K hốt ở kỳ thứ 3 (ngày 25/3/2022, âm lịch) nên có nghĩa vụ đóng tiền hụi chết cho bà 13 kỳ, mỗi kỳ đóng số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình đóng hụi chết bà D và ông K không thực hiện, bà đã liên hệ đòi nợ nhiều lần nhưng ông K và bà D vẫn không thanh toán. Do bà D và ông K ở chung với ba mẹ là ông D1 và bà H nên khi bà đến nhà đòi nợ thì ông D1 và bà H có hứa sẽ bảo lãnh trả nợ cho ông K và bà D.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị D, ông Phan Thành K, ông Phan Văn D1 và bà Lê Thị H liên đới thanh toán cho bà số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Bùi Thị D và ông Phan Thành K là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Ông Phan Văn D1 và bà Lê Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị T, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Bùi Thị D và ông Phan Thành K, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà D và ông K cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà T, bà D, ông K, bà H, ông D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà D, ông K, bà H, ông D1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Đặng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị D, ông Phan Thành K, ông Phan Văn D1 và bà Lê Thị H liên đới thanh toán cho bà số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập bà D, ông K tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án nhưng các ông bà đều vắng mặt không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà T, điều này thể hiện việc bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh cho mình. Như vậy, căn cứ vào giấy biên nhận tiền hụi ngày 30/3/2022 và giấy hụi ngày 25/01/2022 (âm lịch) do bà T cung cấp có đủ cơ sở xác định: Bà D và ông K có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi, đã hốt hụi ở kỳ thứ 3 và được bà T giao

tiền hụi nên ông bà phải có nghĩa vụ đóng tiền hụi chết cho bà T, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Xét nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ: Bà T yêu cầu bà H và ông D1 liên đới với bà D và ông K thanh toán nợ hụi cho bà với lý do các ông bà có quan hệ ba, mẹ, con là không có căn cứ bởi ông K và bà D tham gia giao dịch với bà T khi đủ năng lực hành vi dân sự và bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà H, ông D1 có nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông D1 và bà H liên đới với bị đơn thanh toán tiền vốn hụi còn nợ.

Ông K và bà D còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông K và bà D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định (130.000.000 đồng x 5% = 6.500.000 đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi của bà Đặng Thị T đối với bà Bùi Thị D và ông Phan Thành K.

Buộc bà Bùi Thị D và ông Phan Thành K phải liên đới thanh toán cho bà Đặng Thị T số tiền vốn hụi là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị D và ông Phan Thành K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.500.000 đồng.

Bà Đặng Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008803 ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy